

Quá trình xác lập đơn vị hành chính và tổ chức lãnh thổ tại Hà Tiên dưới thời vua Gia Long và Minh Mạng (1802-1841)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu quá trình thiết lập và tổ chức quản lý hành chính - lãnh thổ tại Hà Tiên dưới hai triều vua Gia Long và Minh Mạng, từ góc nhìn lịch sử - địa chính trị. Nằm ở vị trí chiến lược giữa đất liền và hải đảo, giáp ranh Chân Lạp (Campuchia), Hà Tiên là địa bàn biên giới mang tính then chốt trong chiến lược phòng thủ và kiểm soát không gian phía Tây Nam của triều Nguyễn. Thông qua việc phân tích hệ thống cải cách hành chính, phân chia địa giới, tổ chức và quản lý dân cư, bài viết cho thấy cách thức mà nhà Nguyễn từng bước tích hợp Hà Tiên - từ một vùng đất "bán tự trị" của họ Mạc - vào mô hình nhà nước trung ương tập quyền. Đặc biệt, công cuộc đo đạc địa lý, kiểm soát biển đảo và tổ chức đơn vị hành chính tại các đảo... phản ánh tư duy lãnh thổ hiện đại và năng lực kiểm soát không gian biên giới của triều đình trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực khu vực giữa Việt Nam, Xiêm La và Chân Lạp. Nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ vai trò của Hà Tiên như một đơn vị hành chính - quân sự đặc thù, nơi hội tụ chức năng phòng thủ biên cương, phát triển kinh tế - thương mại và khẳng định chủ quyền lãnh thổ. Qua đó, bài viết đưa ra cách tiếp cận trong việc hiểu rõ hơn tư duy nhà nước và chính sách quản trị vùng biên dưới thời Nguyễn - một tiền đề quan trọng để nhận diện lịch sử kiểm soát và xác lập chủ quyền tại các khu vực biên giới và biển đảo Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Hà Tiên, Gia Long và Minh Mạng, quản lý hành chính, tổ chức lãnh thổ, biên giới Tây Nam

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình mở rộng lãnh thổ và xác lập chủ quyền quốc gia, vùng biên giới Tây Nam luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với triều Nguyễn - cả về mặt địa lý, chiến lược quốc phòng lẫn thương mại khu vực. Nằm tại giao điểm giữa đất liền và hải đảo, giữa các không gian văn hóa - chính trị của Việt Nam và Chân Lạp (Campuchia), Hà Tiên là trường hợp điển hình cho một vùng biên vừa đa dạng, phức tạp về mặt nhân khẩu, vừa trọng yếu về địa - chính trị trong hệ thống quyền lực Đông Nam Á thế kỷ XIX.

Sau khi thống nhất đất nước vào năm 1802, triều Nguyễn dưới thời vua Gia Long (1802-1820) và tiếp đó là vua Minh Mạng (1820-1841) đã đối mặt với nhiều thách thức trong việc thiết lập quyền lực thực chất tại các vùng biên viễn, đặc biệt là Hà Tiên - nơi từng được dòng họ Mạc tự trị nhiều thế hệ. Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa Việt Nam và Xiêm La tại Chân Lạp, các yêu sách lãnh thổ, tình trạng nổi dậy và nạn hải tặc khiến khu vực này trở thành một "mặt trận mềm" chiến lược mà triều đình buộc phải kiểm soát chặt chẽ. Trước tình hình đó, Gia Long và Minh Mạng không chỉ thực hiện các chính sách cải tổ hành chính, mà còn chủ động xây dựng hệ thống phòng thủ, tổ

chức dân cư, xác lập địa giới và kiểm soát các đảo - quần đảo ven Vịnh Thái Lan. Hà Tiên từ đó trở thành mô hình thu nhỏ cho chiến lược quản lý lãnh thổ vùng biên của nhà Nguyễn, đồng thời là cứ điểm tiên phong trong kế hoạch khẳng định chủ quyền và đối phó với các nguy cơ an ninh khu vực.

Với cách tiếp cận liên ngành, kết hợp sử liệu chính thống của triều Nguyễn với nguồn tư liệu đương đại từ Việt Nam và các nước láng giềng, bài viết này đặt mục tiêu phân tích chính sách quản lý hành chính của nhà Nguyễn tại Hà Tiên dưới hai triều vua đầu tiên - Gia Long và Minh Mạng. Nội dung phân tích tập trung vào hai trục chính là vai trò địa - chính trị của Hà Tiên trong cấu trúc quyền lực Đông Nam Á đầu thế kỷ XIX và các biện pháp hành chính trong quản lý lãnh thổ đất liền và hải đảo. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ tư duy lãnh thổ và năng lực kiểm soát nhà nước của triều Nguyễn trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực ngày càng gay gắt tại khu vực, đồng thời cung cấp cứ liệu hữu ích cho các nghiên cứu đương đại về quản lý biên giới, chủ quyền quốc gia và cấu trúc nhà nước ở Đông Nam Á tiền hiện đại.

NỘI DUNG CHÍNH

Trích dẫn bài báo này: Nguyệt N T A. Quá trình xác lập đơn vị hành chính và tổ chức lãnh thổ tại Hà Tiên dưới thời vua Gia Long và Minh Mạng (1802-1841). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; x(x):x-x.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyetxhvn@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 18-3-2025
- Ngày sửa đổi: 22-8-2025
- Ngày chấp nhận: 27-1-2026
- Ngày đăng: x

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Bối cảnh lịch sử và vị trí - địa chiến lược của Hà Tiên

Biên giới là một trong những yếu tố then chốt ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển kinh tế - xã hội, cũng như an ninh - quốc phòng của mỗi quốc gia. Việc giữ vững ổn định biên giới quốc gia không chỉ góp phần đảm bảo hòa bình mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy, vấn đề biên giới và công tác bảo vệ biên giới luôn được xem là trọng tâm và mang tính cấp thiết đối với mỗi quốc gia, dân tộc trong cả quá khứ và hiện tại [1, tr.2623]. Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, khu vực biên giới Tây Nam Bộ^a - vùng tiếp giáp giữa đất liền và biển cả, giữa Việt Nam và Campuchia - luôn giữ vị trí quan trọng về mặt địa - chính trị, quân sự và kinh tế. Trong đó, Hà Tiên, nằm tại điểm cực Tây Nam của lãnh thổ Việt Nam, nổi bật như một địa bàn có vị trí địa lý và chiến lược đặc biệt, đóng vai trò then chốt trong bảo vệ và phát triển vùng biên giới này.

Về mặt vị trí địa lý, Hà Tiên tọa lạc ở vùng ven biển phía Tây Nam của tỉnh Kiên Giang, phía Bắc giáp tỉnh Kampot của Campuchia, phía Tây và Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan, phía Đông kết nối với các trung tâm nội vùng như Rạch Giá, Long Xuyên và Châu Đốc thông qua hệ thống sông ngòi và đường bộ. Về biển, Hà Tiên có đường bờ biển dài, có thể tiếp cận dễ dàng các cảng thị ven Vịnh Thái Lan như Kampot, Sihanoukville (Campuchia), Songkhla, Pattani (Thái Lan) và xa hơn là bán đảo Mã Lai. Vị trí này cho phép Hà Tiên đóng vai trò như một điểm trung chuyển trong mạng lưới giao thương biển giữa Trung Quốc, Đông Nam Á lục địa và Ấn Độ Dương. Đồng thời, Hà Tiên cũng nằm ở ngã ba của các tuyến giao thông nội vùng - liên vùng, kết nối lưu vực sông Mekong, cao nguyên Nam Lào - Đông Bắc Campuchia - Tây Nguyên Việt Nam với vùng hạ lưu Mekong và Biển Đông (xem hình 1).

Trước thế kỷ XVII, khu vực Tây Nam Bộ (trong đó có Hà Tiên) còn là vùng đất chưa được kiểm soát chặt chẽ về mặt hành chính. Cư dân nơi đây thưa thớt, chủ yếu là người Khmer sống rải rác ven sông, vùng đầm lầy và duyên hải. Quyền lực của vương quốc Chân Lạp tại khu vực này trong khoảng X thế kỷ (từ thế kỷ VII đến đầu thế kỷ XVII) mang tính danh nghĩa hơn là thực tế, bởi quyền kiểm soát lãnh thổ của Chân Lạp còn khá lỏng lẻo³. Điều này tạo điều kiện cho các thế lực bên ngoài như Xiêm La can thiệp vào khu vực, đồng

^aTrước năm 1832, khu vực biên giới Tây Nam Bộ bao gồm: trấn Phiên An, trấn Định Tường, trấn Vĩnh Thanh và trấn Hà Tiên. Sau năm 1832, khu vực này thuộc 4 tỉnh: Gia Định, Định Tường, An Giang và Hà Tiên. Hiện nay (trước ngày 01/07/2025), khu vực biên giới Tây Nam Bộ trải dài qua các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp và Long An của Việt Nam, tiếp giáp các tỉnh Svay Rieng, Prey Veng, Kandal, Takeo và Kampot của Campuchia.



Hình 1: Phần mô tả về Hà Tiên trong bản đồ Châu Á của Lapie Pierre năm 1833 [2, tr. 115]

thời mở ra cơ hội để chúa Nguyễn mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

Vào cuối thế kỷ XVII, Mạc Cửu - một thương nhân người Hoa - đến khai phá và thiết lập Hà Tiên thành một thương cảng sầm uất. Mạc Cửu chủ trương phát triển kinh tế bằng chính sách thương mại cởi mở và thuế suất thấp, nhanh chóng biến Hà Tiên thành nơi hội tụ của thương nhân đến từ Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm La, Mã Lai và phương Tây:

“Lãnh thổ của ông [Mạc Cửu] trở thành nơi quy tụ của tất cả những người siêng năng muốn đến định cư. Cảng của ông mở cửa đón nhận thương nhân từ mọi quốc gia... ông chỉ áp dụng một mức thuế rất thấp đối với hàng hóa nhập cảng” [4, tr.26].

Vào năm 1708, trước áp lực từ Xiêm La và Chân Lạp, Mạc Cửu quyết định quy phục chúa Nguyễn, đưa Hà Tiên trở thành một bộ phận của chính quyền Đàng Trong. Từ đây, Hà Tiên không chỉ là một thương cảng mà còn trở thành một căn cứ quân sự trọng yếu ở biên giới Tây Nam. Dưới sự bảo trợ của chúa Nguyễn, họ Mạc tiếp tục quản lý Hà Tiên, duy trì vai trò trung tâm thương mại và quân sự chiến lược. Theo thống kê, trong giai đoạn 1761-1770, có 17 trong số 144 thuyền buôn từ Quảng Châu đến Đông Nam Á cập cảng Hà Tiên [5, tr.217]. Điều này cho thấy Hà Tiên không chỉ đóng vai trò cửa ngõ kinh tế của Đàng Trong ra khu vực, mà còn là một mắt xích trong mạng lưới thương mại quốc tế. Học giả Puangthong Rungswasdisab mô tả tuyến giao thương từ Lào - Campuchia qua Hà Tiên như sau:

“Thương nhân vận chuyển hàng hóa xuôi theo dòng sông bằng thuyền hoặc bè tre, đến thác Khone ở Nam Lào thì chuyển sang đường bộ bằng xe kéo đến Campuchia. Hệ thống giao thương cổ này duy trì ít nhất đến cuối thế kỷ XIX, khi sản vật từ Lào và vùng cao nguyên Việt Nam được tập kết tại Phnom Penh, sau đó xuôi theo sông Mekong đến Sài Gòn - Chợ Lớn

hoặc qua nhánh gấn Châu Đốc để tới Hà Tiên” [6, tr.102].

Trịnh Hoài Đức, trong *Gia Định thành thông chí*, mô tả Hà Tiên: “Đường sá giao nhau, phố xá nối tiếp, người Việt, Hoa, Chân Lạp, Chà Và cùng chung sống. Thuyền bè qua lại trên sông biển như con thoi dệt vải, thực sự là một đô thị ven biển sầm uất” [7, tr.238]. Tuy nhiên, việc xác lập và duy trì chủ quyền tại Hà Tiên không hề dễ dàng. Từ năm 1715 đến cuối thế kỷ XVIII, Hà Tiên liên tục trở thành mục tiêu tấn công của Xiêm La, đặc biệt là trong các cuộc xung đột với chúa Nguyễn và giai đoạn chiến tranh với Tây Sơn. Theo các tác giả Cooke Nola và Li Tana, vùng hạ lưu Mekong trong thế kỷ XVIII là “một không gian không có biên giới rõ ràng, thiếu trung tâm quyền lực thống nhất, với đặc trưng đa ngôn ngữ, đa sắc tộc và đa văn hóa” [8, tr.5-8]. Chỉ khi Nguyễn Ánh giành lại quyền kiểm soát và lên ngôi hoàng đế vào năm 1802, tình hình Hà Tiên mới dần ổn định.

Bước sang thế kỷ XIX, cục diện khu vực Đông Nam Á có nhiều biến động. Xiêm La sau khi củng cố quyền lực dưới triều Rama I (1782-1809) và Rama II (1809-1824) bắt đầu mở rộng ảnh hưởng sang Campuchia, xem đây là vùng đệm chiến lược nhằm đối trọng với Việt Nam [9, tr.157]. Trong khi đó, triều Nguyễn - đặc biệt dưới thời Gia Long và Minh Mạng - cũng xác lập Campuchia là khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng tự nhiên của Việt Nam, quyết không để rơi vào tay Xiêm La [9, tr.136], [10, tr.339]. Trong thế đối đầu đó, Hà Tiên giữ vai trò then chốt cả về quân sự lẫn kinh tế. Với vị trí án ngữ phía Tây Nam, Hà Tiên trở thành “đài quan sát” cho triều Nguyễn giám sát các biến động ở Campuchia và Xiêm La, đồng thời là căn cứ hậu cần cho các chiến dịch quân sự nếu cần thiết. Về kinh tế, kiểm soát Hà Tiên đồng nghĩa với việc triều Nguyễn có thể kiểm soát một phần đáng kể tuyến thương mại trên Vịnh Thái Lan - nơi hội tụ của các luồng hàng hóa từ Trung Quốc, Ấn Độ, và Đông Nam Á lục địa. Ngoài ra, vị trí này còn cho phép triều đình Nguyễn kiểm soát và phòng ngừa nạn hải tặc, vốn là mối đe dọa thường trực đối với an ninh hàng hải và giao thương khu vực trong thế kỷ XIX [8, tr.102]. Nhận thức rõ vai trò của Hà Tiên, các vua Gia Long và Minh Mạng đã triển khai hàng loạt biện pháp nhằm củng cố quyền kiểm soát nơi đây. Từ việc thiết lập hệ thống hành chính chặt chẽ, tăng cường phòng thủ, cho đến việc tích cực thúc đẩy hoạt động thương mại, tất cả đều nhằm đảm bảo Hà Tiên thực hiện đầy đủ vai trò trung tâm chiến lược ở vùng biên giới Tây Nam.

Như vậy, Hà Tiên trong thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX không chỉ là một đơn vị hành chính hay thương cảng địa phương, mà thực sự là nút giao chiến lược của các yếu tố quân sự, kinh tế và địa - chính trị. Vị

trí địa lý đặc biệt - vừa giáp đất liền, vừa thông thương đường biển, kết nối nội vùng và liên vùng - đã định hình vai trò của Hà Tiên như một điểm tựa quan trọng trong chiến lược bảo vệ biên giới và khẳng định vị thế của Việt Nam tại khu vực Đông Nam Á lục địa. Chính trong bối cảnh đó, việc xác lập và tổ chức hệ thống hành chính - quân sự tại Hà Tiên dưới triều Nguyễn trở thành một yêu cầu chiến lược mang tính sống còn.

Xác lập đơn vị quản lý hành chính và tổ chức lãnh thổ tại Hà Tiên

Quản lý hành chính trên đất liền

Sau khi thống nhất đất nước và lên ngôi năm 1802, vua Gia Long bắt đầu củng cố hệ thống hành chính và quân sự trên phạm vi toàn quốc nhằm xây dựng một nhà nước trung ương tập quyền vững mạnh. Trong chiến lược đó, Hà Tiên được xem là địa bàn có vị trí đặc biệt quan trọng, vừa là cửa ngõ chiến lược về quốc phòng, vừa có vai trò kinh tế - thương mại - đối ngoại gắn với Vịnh Thái Lan. Vua Gia Long từng nhấn mạnh: “Châu Đốc, Hà Tiên bờ cõi không kém Bắc thành” [11, tr.496], cho thấy vai trò trọng yếu của vùng đất này trong hệ thống phòng thủ quốc gia. Năm 1805, Gia Long chỉ thị cho các doanh trấn thuộc Gia Định, bao gồm Hà Tiên, tổ chức đo đạc địa hình, xác định ranh giới và lập bản đồ chi tiết. Đây là một bước đi quan trọng nhằm đảm bảo tính chính xác trong công tác quản lý hành chính và quân sự ở vùng biên viễn. Một năm sau, Lê Quang Định được giao thống kê toàn bộ núi, sông, cửa biển, cầu, chợ, đồng thời biên soạn *Nhất thống dư địa chí* cung cấp thông tin quan trọng về địa lý, hành chính nhằm hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chính sách [12].

Khác với chính sách cưỡng bức di dân của Xiêm [6, triều Nguyễn áp dụng một chính sách mềm dẻo, bằng cách khuyến khích người Việt từ vùng trung tâm vào khai khẩn, lập làng tại các khu vực biên giới như Hà Tiên [13]. Đồng thời, triều đình tạm thời duy trì mô hình quản lý “bán tự trị” tại đây nhằm ổn định tình hình trong bối cảnh chính trị và quân sự khu vực còn nhiều biến động. Đây là một chiến lược thận trọng khi quyền lực trung ương còn chưa vươn tới toàn bộ biên giới phía Tây Nam, đặc biệt trong bối cảnh các thế lực ngoại bang như Xiêm La đang mở rộng ảnh hưởng, còn Chân Lạp thì liên tục bất ổn nội bộ. Sự tiếp tục tồn tại của mô hình “phong kiến bán tự trị” tại Hà Tiên - phản ánh sự linh hoạt trong tư duy quản lý của vua Gia Long, dù Hà Tiên đã được xác lập là một phần lãnh thổ của nhà Nguyễn [3, tr.55-60].

Từ năm 1808, triều đình bắt đầu siết chặt quản lý hành chính đối với Hà Tiên. Trong năm này, triều đình thành lập Gia Định thành để quản lý năm trấn ở Nam

Bộ, trong đó Hà Tiên trở thành một trong năm trấn trực thuộc Gia Định thành. Đồng thời, triều đình tiến hành phân chia các huyện như Kiên Giang và Long Xuyên, sáp nhập vào trấn Hà Tiên từ năm 1810 nhằm củng cố bộ máy chính quyền, tăng cường kiểm soát biên giới và các vùng ven biển¹⁴. Sau khi tiến hành sắp xếp, cơ cấu tổ chức hành chính của trấn Hà Tiên được thiết lập rõ ràng và chặt chẽ hơn, gồm: Huyện Hà Tiên có 19 xã, thôn người Việt, 6 phố/điểm người Hoa, và 26 sóc của người Khmer. Huyện Long Xuyên gồm hai tổng là Long Thủy (23 làng) và Quảng Xuyên (9 làng), tổng cộng 40 đơn vị. Huyện Kiên Giang gồm tổng Kiên Định (7 làng) và tổng Thanh Giang (4 xã), tổng cộng 11 xã, thôn [14, tr.85-86]. Tính đến năm 1819, dân số trấn Hà Tiên có khoảng 1.500 đình - tức nam giới trong độ tuổi từ 18 đến 60 được đăng ký [13, tr.547].

Song song với quá trình tổ chức lại địa giới hành chính, triều đình cũng tập trung cải tổ bộ máy nhân sự tại Hà Tiên. Trong giai đoạn đầu thời Gia Long, chức “Hiệp trấn” vẫn được duy trì và thường trao cho người thuộc họ Mạc hoặc các nhân vật thân tín địa phương¹⁵. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 1811, nhà Nguyễn thay thế mô hình này bằng bộ máy hành chính chuẩn hóa với các chức danh do triều đình bổ nhiệm như “Trấn thủ” (đứng đầu trấn), “Ký lục” (phụ trách hành chính - tài chính), và “Lãnh binh” (chỉ huy quân đội). Đây là bước chuyển quan trọng nhằm đưa Hà Tiên vào hệ thống cai trị trực tiếp của nhà nước trung ương tập quyền. Cụ thể, năm 1811, Trương Phúc Giáo được bổ nhiệm làm Trấn thủ [11, tr.821]. Sau khi Trương Phúc Giáo cáo lão năm 1815, Nguyễn Văn Chiêm từ Biên Hòa được điều về thay thế. Năm 1818, Mạc Công Du - thành viên dòng họ Mạc - được giao giữ chức Trấn thủ, đến năm 1828 thì bị buộc phải hưu với lý do không thạo việc hành chính [16, tr.75]. Sau khi củng cố bộ máy nhân sự, triều Nguyễn triển khai hàng loạt biện pháp như củng cố quốc phòng, chiêu dân lập ấp, phát triển nông nghiệp, mở trường học, tổ chức thương mại, quy hoạch khu dân cư và chợ, đồng thời tạo điều kiện giao thương giữa các cộng đồng Việt, Hoa, Khmer và Chăm [11, tr.821]. Đến cuối triều Gia Long, đặc biệt sau năm 1818, Hà Tiên trở thành một đơn vị hành chính - quân sự tiêu chuẩn của nhà Nguyễn. Ba huyện trực thuộc trấn Hà Tiên bao gồm Hà Châu, Kiên Giang và Long Xuyên - được tổ chức chặt chẽ với hệ thống huyện, tổng, xã tương tự các trấn lớn khác như Phiên An và Định Tường. Dù dân cư còn thưa thớt, nhưng mô hình hành chính này đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và thu thuế tại vùng biên viễn⁷.

Khi vua Minh Mạng lên ngôi vào năm 1820, triều Nguyễn tiếp tục tiến hành một loạt cải cách sâu rộng

hơn nhằm hoàn thiện thể chế hành chính trung ương tập quyền. Đối với Hà Tiên, một đơn vị hành chính có tầm quan trọng đặc biệt về địa - chính trị, cải cách hành chính không chỉ nhằm mục tiêu quản lý hiệu quả mà còn là biện pháp khẳng định chủ quyền và kiểm soát vùng biên giới phía Tây Nam trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng gay gắt giữa Việt Nam và Xiêm La tại Campuchia. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), cuộc cải cách đạt đến đỉnh cao khi nhà vua quyết định chia cả nước thành 30 tỉnh, thay cho hệ thống trấn, dinh, đạo cũ mang tính chất quân sự, lỏng lẻo và phân tán. Trong khuôn khổ này, sáu tỉnh Nam Kỳ được xác lập, bao gồm: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên¹⁷. Theo đó, **Hà Tiên lần đầu tiên trở thành một tỉnh chính thức của triều đình trung ương**. Việc thiết lập **tỉnh Hà Tiên** mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc. Đây là vùng biên giới đặc biệt quan trọng, giáp với Vịnh Xiêm La, có vị trí tiền tiêu trong việc kiểm soát giao thương đường biển, trấn áp hải tặc và bảo vệ lãnh thổ trước sự lấn chiếm của các thế lực ngoại bang. Minh Mạng tiếp nối quan điểm của Gia Long khi xem trọng khu vực này không chỉ về mặt phòng thủ mà còn về phát triển kinh tế và khẳng định chủ quyền quốc gia.

Sự kiện cuộc khởi biến của Lê Văn Khôi năm 1833 tại thành Gia Định đã làm gia tăng bất ổn khu vực Nam Kỳ. Tận dụng thời cơ, vua Rama III của Xiêm tổ chức tấn công vào miền Tây Nam Bộ, đồng thời hậu thuẫn cho nội bộ hoàng tộc Chân Lạp chống lại sự kiểm soát của triều Nguyễn. Trước bối cảnh đó, vùng ven biển và hải đảo từ mũi Cà Mau đến Hà Tiên trở thành mặt trận tiền tiêu chống ngoại xâm và cũng là nơi thường xuyên bị hải tặc tấn công [18, tr.89]. Để ứng phó, triều đình không chỉ tăng cường lực lượng quân sự mà còn tiến hành các cải tổ hành chính để siết chặt bộ máy quản lý địa phương. Năm 1834, Minh Mạng ra lệnh thành lập hai phủ mới ven biển là Khai Biên và Quảng Biên, đóng tại Cần Vọt và Vũng Thơm - hai khu vực trọng yếu nằm dọc tuyến phòng thủ ven biển Tây Nam [19, tr.200-201]. Đây là bước đi cho thấy sự kết hợp giữa quân sự và hành chính, phản ánh tư duy chiến lược sâu sắc của Minh Mạng trong quản lý vùng biên. Cùng năm đó, phủ Khai Biên được đổi tên thành phủ An Biên [19, tr.219], trở thành đơn vị hành chính trung gian trực thuộc tỉnh Hà Tiên. Việc đặt tên “An Biên” - nghĩa là “làm cho biên cương yên ổn” - mang tính biểu tượng cao, thể hiện ý chí chính trị của triều đình trong việc kiểm soát, trấn áp bất ổn và xây dựng một hệ thống chính quyền ổn định nơi biên giới.

Sau quá trình cải cách hành chính của Minh Mạng, theo thống kê của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, đến năm 1836, tỉnh Hà Tiên bao gồm phủ An Biên và

ba huyện: Hà Châu, Kiên Giang, Long Xuyên. Dưới các huyện là 11 tổng (Hà Nhuận, Hà Thanh, Nhuận Đức, Phú Quốc, Thanh Di, Giang Ninh, Kiên Định, Kiên Hào, Thanh Giang, Long Thủy, Quảng Xuyên), quản lý 43 xã và 106 thôn [14, tr.102-103]. Những con số này cho thấy một hệ thống hành chính hoàn chỉnh, trải dài từ đất liền đến hải đảo, chứng minh năng lực kiểm soát lãnh thổ của triều đình Huế tại một vùng địa lý phức tạp. Đặc biệt, một cuộc điều tra dân số do triều đình tổ chức vào năm 1838 cho biết tỉnh Hà Tiên (bao gồm cả vùng An Giang khi đó) có khoảng 23.000 đình [13, tr.549], một con số phản ánh cả mật độ dân cư và quy mô hành chính đáng kể trong vùng Nam Kỳ lúc bấy giờ. Việc xây dựng các phủ, huyện và tổng thuộc tỉnh Hà Tiên không chỉ nhằm mục đích quản lý dân số, thu thuế hay điều phối quân dịch, mà còn là công cụ xác lập chủ quyền lãnh thổ - một yêu cầu sống còn trong bối cảnh cạnh tranh khu vực ngày càng khốc liệt giữa Việt Nam, Xiêm La và Chân Lạp. Trong nỗ lực thiết lập và củng cố quyền lực trung ương tại vùng biên giới Tây Nam, triều Nguyễn dưới thời Gia Long và Minh Mạng đã triển khai nhiều chính sách quản lý toàn diện, trong đó chính sách thuế khóa và quân dịch đóng vai trò then chốt. Tại Hà Tiên, các biện pháp thu thuế và tổ chức quân dịch không chỉ nhằm đảm bảo nguồn thu ổn định cho triều đình, mà còn là công cụ quan trọng để duy trì trật tự xã hội, tăng cường kiểm soát hành chính và phục vụ cho mục tiêu phòng thủ quốc gia. Ngay từ đầu thời Gia Long, chính sách thuế khóa ở Hà Tiên đã thể hiện sự linh hoạt và thích ứng cao với điều kiện thực tiễn. Trong bối cảnh những bất ổn chính trị liên miên tại khu vực biên giới Tây Nam Bộ - đặc biệt là những năm 1809-1811 khi Việt Nam can thiệp quân sự vào Chân Lạp để ứng phó với sự xâm lấn của Xiêm La - dân số Hà Tiên sụt giảm nghiêm trọng do chiến sự, lưu dân ly tán, sản xuất đình trệ. Trước tình hình đó, năm 1810, vua Gia Long ban chỉ dụ miễn toàn bộ tạp thuế cho trấn Hà Tiên nhằm khuyến khích dân chúng ổn định sinh kế và phục hồi sản xuất [20, tr.359]. Biện pháp miễn thuế trong thời kỳ khó khăn không chỉ phản ánh chính sách nhân đạo của triều đình mà còn cho thấy “tư duy thực dụng” trong việc giữ gìn lòng dân và duy trì dân số ở một khu vực có vị trí phòng thủ đặc biệt quan trọng. Đến thời Minh Mạng, khi tình hình an ninh tại biên giới tạm ổn và dân cư bắt đầu ổn định trở lại, triều đình tiếp tục điều chỉnh chính sách thuế khóa theo hướng chuẩn hóa và phân loại rõ rệt. Theo *Đại Nam thực lục*, năm 1824, triều đình tiến hành cuộc khảo sát quy mô tại Hà Tiên, dân số được ghi nhận là 668 người, cư trú trong 37 xã thôn sách, với tổng diện tích ruộng vườn là 348 khoảnh [20, tr.359]. Từ đó, chính sách thuế được thiết kế phù hợp với cơ

cấu dân cư đa dạng. Theo đó, người Việt (Việt tộc) sinh sống tại 12 xã thôn với 168 nhân khẩu chịu nghĩa vụ thuế theo “lệ khách hộ” - tức là mức thuế dành cho dân mới đến lập cư ở các trấn vùng biên. Cộng đồng Minh Hương và người Hoa gồm 83 người ở xã Minh Hương và 138 Hoa kiều chịu nghĩa vụ thuế theo mức áp dụng cho các Minh Hương nhân tại Gia Định. Người Khmer sinh sống tại 25 sách với 279 người, do còn lệ thuộc mô hình tổ chức bản địa và sản xuất kém phát triển, chỉ chịu nghĩa vụ nộp một loại “thuế thân” với mức tượng trưng là 1 tiền mỗi người mỗi năm [20, tr.359].

Song song với phân loại dân cư, thuế đất và thuế vườn cũng được quy định cụ thể: vườn được chia thành ba bậc, áp dụng mức thuế như với vườn cau ở Gia Định - khu vực được xem là chuẩn mực về thuế suất nông nghiệp ở Nam Kỳ thời bấy giờ. Tuy nhiên, sau khi tiến hành khảo sát, trong tổng số 348 khoảnh ruộng vườn tại Hà Tiên được ghi nhận, phần lớn là đất sỏi hoặc chưa khai khẩn, nên tiếp tục được miễn thuế, thể hiện sự khoan dung của triều đình đối với các vùng đất còn hoang hóa²⁰. Những chính sách này không chỉ phản ánh sự linh hoạt của vua Gia Long và Minh Mạng trong quản lý vùng biên mà còn góp phần củng cố quyền lực nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo nguồn thu cần thiết cho bộ máy cai trị. Đây cũng là nền tảng quan trọng giúp triều đình kiểm soát hiệu quả khu vực biên giới Tây Nam, duy trì sự ổn định lâu dài trong bối cảnh nhiều biến động chính trị và quân sự.

Bên cạnh chính sách thuế, quân dịch cũng là một thành tố quan trọng trong hệ thống quản lý vùng biên. Hà Tiên, với đặc điểm vừa giáp biển vừa gần vùng tranh chấp giữa Xiêm và Chân Lạp, luôn là khu vực ưu tiên tuyển chọn và bố trí quân binh. Dân cư tại đây không chỉ chịu trách nhiệm tham gia thủy binh đóng giữ các cửa biển mà còn phải góp sức trong các đồn lũy dọc biên giới đất liền. Những lực lượng này vừa đảm nhiệm nhiệm vụ phòng thủ trước các mối đe dọa từ bên ngoài, vừa có trách nhiệm trấn áp các cuộc nổi loạn và giám sát chặt chẽ đời sống dân cư địa phương. Chính sách quân dịch không đơn thuần là nghĩa vụ quân sự, mà còn là phương tiện để triều đình kiểm soát xã hội, khuyến khích tổ chức dân cư có trật tự, đồng thời duy trì ổn định chính trị tại vùng biên. Thực tế cho thấy, sau cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi năm 1833 và cuộc xâm lược của quân Xiêm vào năm 1834, triều đình Nguyễn đã tăng cường đáng kể sự hiện diện quân sự tại Hà Tiên bằng cách tái bố trí lực lượng phòng thủ, đồng thời tổ chức lại các đơn vị dân binh và hộ đình tại chỗ. Điều này giúp triều đình vừa giữ được lòng dân, vừa củng cố hiệu quả quyền kiểm soát ở một vùng đất biên viễn phức tạp, từ đó

tạo nền tảng vững chắc cho việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và phát triển kinh tế - xã hội lâu dài.

Có thể nói, chính sách quản lý hành chính tại Hà Tiên dưới thời Gia Long và Minh Mạng phản ánh một tư duy chiến lược sâu sắc, mang tính thực tiễn cao. Triều đình Nguyễn không chỉ chú trọng tổ chức bộ máy hành chính - quân sự chặt chẽ, mà còn linh hoạt trong chính sách thuế khóa, và khuyến khích di dân, lập làng. Việc từng bước chuyển Hà Tiên từ một vùng “bán tự trị” sang một đơn vị hành chính trung ương trực tiếp quản lý cho thấy quá trình củng cố chủ quyền và mở rộng phạm vi kiểm soát của nhà nước phong kiến tập quyền. Đặc biệt, công cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng đã đưa Hà Tiên từ vị thế một trấn biên viễn trở thành một tỉnh chính thức với hệ thống phủ, huyện, tổng... rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dân cư, phát triển kinh tế và bảo vệ lãnh thổ. Sự kết hợp giữa biện pháp hành chính và quân sự trong quản lý biên giới thể hiện sự nhạy bén và quyết đoán của triều Nguyễn trong bối cảnh địa - chính trị khu vực đầy biến động. Như vậy, chính sách quản lý hành chính ở Hà Tiên trong giai đoạn đầu triều Nguyễn không chỉ là biểu hiện của chủ quyền, mà còn là tiền đề cho sự ổn định và phát triển vùng đất này về lâu dài. Qua đó, Hà Tiên trở thành một phần không thể tách rời trong chiến lược bảo vệ và phát triển đất nước ở khu vực phía Nam, góp phần hoàn thiện hệ thống hành chính quốc gia dưới thời quân chủ tập quyền.

Quản lý hành chính hải đảo

Trong tiến trình củng cố bộ máy nhà nước phong kiến tập quyền, triều Nguyễn - đặc biệt dưới thời các vua Gia Long và Minh Mạng - đã không chỉ tập trung xây dựng hệ thống hành chính trên đất liền, mà còn chủ động triển khai các chiến lược quản lý và kiểm soát vùng biển đảo. Trong đó, Hà Tiên - với vị trí địa lý trọng yếu án ngữ tuyến giao thương hàng hải và giáp ranh với Chân Lạp và Xiêm La - được xác định là một điểm tựa chiến lược trong toàn bộ cấu trúc lãnh thổ quốc gia. Từ đầu thế kỷ XIX, việc thiết lập và điều chỉnh các đơn vị hành chính tại khu vực này đã trở thành một phần trong chính sách đối nội và đối ngoại mang tính dài hạn của triều đình. Triều Nguyễn đã nhận thức rõ mối liên hệ giữa không gian biển đảo và an ninh quốc gia, do đó, việc quản lý hải đảo không chỉ là hành vi hành chính đơn thuần, mà còn phản ánh tầm nhìn lãnh thổ và khát vọng chủ quyền.

Ngay từ năm 1817, vua Gia Long đã chỉ đạo biên soạn *Duyệt Hải Lục* - một công trình mô tả chi tiết về thủy văn, độ sâu, dòng chảy và khoảng cách đường thủy từ Hà Tiên đến Yên Quảng (tỉnh Quảng Ninh hiện

nay)²¹. Đây không chỉ là một tài liệu mang tính kỹ thuật mà còn là bằng chứng cho thấy triều đình đã chủ động tổ chức và kiểm soát không gian biển theo cách thức khoa học, có hệ thống, nhằm phục vụ cho cả mục tiêu hành chính lẫn quân sự.

Năm 1819, nhằm khai thác tiềm năng chiến lược của đảo Phú Quốc, vua Gia Long cho thành lập **Sở Phú Quốc** trực thuộc trấn Hà Tiên, đặt dưới sự điều hành của Thủ ngự Lê Văn Ý - người có nhiệm vụ tổ chức lực lượng bảo vệ và tuần tra vùng biển [20, tr.39]. Song song với hoạt động quân sự, triều đình đã đẩy mạnh công tác khai khẩn đất đai và thiết lập hệ thống hành chính cấp cơ sở, từ đó hình thành nhiều làng xã quan trọng như An Hòa, Cẩm Sơn, Dương Cảng Đông, Mỹ Thạnh thôn, Phước Sơn, Phú Đông thôn, Phước Lộc, Tân Qui, Tiên Tinh, Thái Thạch và Vĩnh Thạnh²².

Bước sang triều Minh Mạng, chiến lược quản lý biển đảo tiếp tục được nâng lên một tầm mức mới, thể hiện rõ trong chính sách cải tổ hành chính toàn diện. Nhà vua đặc biệt nhấn mạnh vai trò của công tác khảo sát - đo đạc địa lý trong việc thiết lập bản đồ và xác lập quyền lực nhà nước trên không gian biển đảo. Chỉ dụ năm 1831 yêu cầu đo đạc cụ thể độ rộng, độ sâu và dòng chảy tại các cửa biển, với yêu cầu: *“Phàm những cửa biển sở tại, rộng, hẹp, nông, sâu thế nào, phải xem xét đo đạc cho tường tận hơn”* [23, tr.165].

Đây là minh chứng cho cách tiếp cận hiện đại trong việc quản lý không gian tự nhiên, khi yếu tố kỹ thuật được đặt song hành với yếu tố quyền lực nhà nước. Một bước ngoặt đáng chú ý trong tiến trình này là việc tuần phủ Hà Tiên đề xuất - và được vua Minh Mạng chuẩn y năm 1835 - việc điều chỉnh ranh giới hành chính các đảo ven biển, sáp nhập vào tỉnh Hà Tiên theo nguyên tắc địa lý [19, tr.121]. Sự tái cấu trúc này phản ánh chủ trương “hành chính hóa” không gian biển, đưa các đảo vào trong mạng lưới hành chính chính quy, từ đó tăng cường khả năng kiểm soát và giảm thiểu tính biệt lập. Cụ thể, đảo Vũ Dũ [Hòn Khoai] và Ba Tiêu Dũ [Hòn Chuối] được phân bổ tương ứng vào huyện Long Xuyên; đảo Trúc Dũ [Hòn Tre], Thát Dũ [Hòn Rái], Nghệ Dũ và Cổ Luân Dũ được sáp nhập vào huyện Kiên Giang; trong khi, Phú Quốc Dũ [Đảo Phú Quốc], Thổ Châu Dũ [Hòn Sơn], Kích Sơn [Hòn Chông], Hòa Thạch Dũ [Hòn Tre], Luân Dũ [Hòn Ngang], Xường Dũ [Hòn Mầu], Tranh Dũ [Hòn Dừa]... được xếp vào huyện Hà Châu (tức huyện Hà Tiên cũ) [19, tr.656]. Đặc biệt, năm 1835, đảo Phú Quốc được tách khỏi tổng Quảng Xuyên thuộc huyện Long Xuyên, nâng cấp thành một **tổng riêng biệt** trực thuộc huyện Hà Châu, gồm 10 thôn: Phú Đông, Phước Lộc, Mỹ Thạnh, An Thái, Cẩm Sơn, Hàm Ninh, Dương Đông, Tiên Tinh, Tân Tập và Thái Thạnh [19, tr.656]. Với diện tích 61.430ha, đây trở

thành trung tâm hành chính quy mô lớn, nơi hội tụ cộng đồng người Việt, Hoa và Khmer [14, tr.146], cho thấy chính sách định cư đa sắc tộc đi kèm với chủ trương phát triển kinh tế - an ninh tổng hợp.

Trước bối cảnh an ninh biển ngày càng phức tạp, đặc biệt là sự hiện diện của hải tặc tại nhiều đảo nhỏ, triều đình đã tổ chức một cuộc khảo sát quy mô lớn vào tháng 5/1837 nhằm thống kê toàn diện về số lượng đảo, cư dân, khoảng cách di chuyển và vị trí địa lý. Báo cáo gửi về triều đình cho biết Phú Quốc là đảo duy nhất có dân cư sinh sống ổn định (chủ yếu là người Hoa, người Việt và một số ít người Khmer), với 12 làng và hai đồn quân lớn được trang bị pháo cùng hàng trăm binh lính trú đóng. Trong khi đó, các đảo còn lại như đảo Dương (Hòn Ông), đảo Âm (Hòn Bà), đảo Vu, đảo Thăng, đảo Thổ Châu, đảo Côn Luân và đảo Thất đều chưa có người ở và nằm cách xa tuyến đường biển chính. Bản tấu trình của quan tỉnh Hà Tiên nêu rõ khoảng cách di chuyển bằng thuyền từ đất liền đến các đảo này: đảo Dương và đảo Âm mất 4 ngày, đảo Vu 3 ngày, đảo Thăng 2 ngày, đảo Thổ Châu và đảo Côn Luân 2,5 ngày, còn đảo Thất mất khoảng 1 ngày. Những thông tin này giúp triều đình có cái nhìn toàn diện về điều kiện tự nhiên, vị trí chiến lược và tình hình nhân khẩu trên các đảo, tạo cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách quản lý, định cư và củng cố hệ thống phòng thủ tại vùng biển Tây Nam [19, tr.84-85]. Năm 1839, nhằm tối ưu hóa hệ thống quản lý lãnh thổ Hà Tiên, vua Minh Mạng quyết định tách Côn Lôn (Côn Đảo) khỏi quyền quản lý của tỉnh Hà Tiên, chuyển giao cho tỉnh Vĩnh Long [19, tr.538]. Đây không chỉ là một sự điều chỉnh hành chính thông thường, mà là biểu hiện của cách thức tổ chức lại không gian biển đảo dựa trên nguyên tắc logic địa lý - hành chính, giúp củng cố sự thống nhất và hiệu quả của hệ thống quản lý quốc gia [19, tr.656].

Có thể nói, các hoạt động khảo sát, đo đạc và phân định hành chính tại khu vực Hà Tiên dưới thời Gia Long và Minh Mạng cho thấy một chiến lược quản lý biển đảo nhất quán, toàn diện và có tầm nhìn xa. Việc chuyển hóa không gian hải đảo - vốn từng là những vùng rìa bị cô lập - thành các đơn vị hành chính có tổ chức, gắn liền với thiết chế quân sự và dân cư, đã giúp triều Nguyễn vừa củng cố chủ quyền lãnh thổ, vừa tạo nền tảng cho phát triển kinh tế, thương mại và phòng thủ quốc gia. Phú Quốc, với vai trò trung tâm hành chính và quân sự trọng yếu, đã trở thành biểu tượng của tư duy “lãnh thổ hóa biển đảo” - một chính sách không chỉ phản ánh nhu cầu kiểm soát, mà còn thể hiện năng lực tổ chức nhà nước của triều Nguyễn trong bối cảnh biến động khu vực và cạnh tranh chủ quyền trên Biển Đông.

KẾT LUẬN

Trong quá trình xác lập và củng cố chủ quyền lãnh thổ quốc gia, triều Nguyễn - đặc biệt dưới thời hai vị vua đầu triều là Gia Long và Minh Mạng - đã thực hiện một chiến lược quản lý hành chính vùng biên có hệ thống, kết hợp linh hoạt giữa mô hình kiểm soát trung ương tập quyền và các biện pháp thích ứng với thực tế địa phương. Trường hợp Hà Tiên - một địa bàn biên giới chiến lược ở cực Tây Nam quốc gia - là minh chứng điển hình cho sự vận hành của tư duy lãnh thổ nhà nước tiền hiện đại trong bối cảnh vừa đối nội (thiết lập chính quyền, ổn định dân cư), vừa đối ngoại (kiểm chế ảnh hưởng của Xiêm La, kiểm soát biên giới biển đảo).

Từ một vùng đất từng do dòng họ Mạc tự trị, Hà Tiên dần được tích hợp vào cấu trúc nhà nước trung ương thông qua việc thiết lập đơn vị hành chính trấn, huyện, tổng; cải tổ bộ máy quan lại; tổ chức lại hệ thống dân cư, thuế khóa và quân sự. Quá trình chuyển đổi này phản ánh rõ định hướng “chính danh hóa” vùng biên, đưa các khu vực vốn có tính chất tự trị hoặc đa văn hóa - như Hà Tiên - vào khuôn khổ thống nhất dưới quyền lực trung ương. Đặc biệt, trong các cải cách dưới thời Minh Mạng, việc thiết lập Hà Tiên thành một trong sáu tỉnh Nam Kỳ, thành lập phủ An Biên và các đơn vị hành chính cấp tổng, xã tại cả đất liền và hải đảo, cho thấy tầm nhìn chiến lược và năng lực điều hành hành chính sâu rộng của triều đình. Bên cạnh đó, công tác quản lý biển đảo - tiêu biểu qua việc tổ chức đo đạc địa lý, khảo sát thủy văn, phân chia hành chính cho các đảo thuộc Phú Quốc, Thổ Châu, Hòn Tre, Côn Lôn..., không chỉ thể hiện năng lực kiểm soát không gian biển, mà còn góp phần định hình khái niệm chủ quyền lãnh hải trong thực tiễn cai trị của nhà nước phong kiến Việt Nam. Những hoạt động này cho thấy sự chuyển biến trong tư duy nhà nước từ việc “hữu danh vô thực” sang mô hình kiểm soát thực chất, cả trên đất liền lẫn trên biển.

Nhìn tổng thể, chính sách quản lý hành chính và lãnh thổ tại Hà Tiên không chỉ là biểu hiện của nỗ lực củng cố quyền lực nhà nước, mà còn là kết quả của sự thích ứng khéo léo trước những biến động địa - chính trị khu vực trong thế kỷ XIX. Đây là mô hình thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa mục tiêu kiểm soát nhà nước với thực tiễn lịch sử - xã hội đặc thù của một vùng biên. Nghiên cứu này, vì vậy, không chỉ góp phần tái hiện một giai đoạn quan trọng trong tiến trình kiến tạo lãnh thổ của Việt Nam, mà còn cung cấp cơ sở lịch sử cho việc nghiên cứu chính sách biên giới và quản trị biển đảo trong bối cảnh đương đại, nơi các vấn đề chủ quyền vẫn đang là tâm điểm của các tranh chấp chiến lược ở khu vực Đông Nam Á.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số B2023-18b-03.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Bài viết không có từ viết tắt.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả cam kết không có xung đột lợi ích liên quan tới nghiên cứu này.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của riêng tác giả. Kết quả nghiên cứu được rút ra trong khuôn khổ đề tài mã số B2023-18b-03 do tác giả làm chủ nhiệm đề tài

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ánh Nguyệt NT, Ý NN. Chính sách an ninh - quốc phòng của vua Minh Mạng đối với khu vực biên giới Tây Nam (1820-1840). *Sci Tech DevJ - Soc Sci Hum*. 2024;8(3):2621-31. Available from: <https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.991>.
2. Pierre ML. *Atlas Universel De Geographie Ancienne et Moderne*. Paris: Eymery Fruger et Cie; 1833.
3. Wook CB. *Southern Vietnam under the Reign of Minh Mang (1820-1841): Central Policies and Local Response*. New York: SEAP Publications; 2004. Available from: <https://doi.org/10.7591/9781501719523>.
4. Emile G. *Un Chinois des mers du Sud: Le fondateur de Ha-Tien*. Paris: White Lotus Press; 1952.
5. *Vùng đất Nam Bộ: Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*. vol. 4. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia; 2017.
6. Pawakapan PR. *Warfare and Depopulation of the Trans-Mekong Basin and the Revival of Siam's Economy*. *Southeast Asia Research Centre Working Paper Series*. 2014;(156):1-23.

7. Đức TH. *Gia Định thành thông chí*. Lý Việt Dũng dịch. Đồng Nai: Nhà xuất bản Tổng hợp; 2006.
8. *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750 -1880*. Singapore: Rowman and Littlefield Publishers; 2004.
9. Chandler D. *A History of Cambodia*. Boulder (CO): Westview Press; 2008.
10. Carl AT. *Chinese Revenue Farms and Borders in Southeast Asia*. *Modern Asian Studies*. 2009;1(43):335-62. Available from: <https://doi.org/10.1017/S0026749X07003393>.
11. *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục*. vol. 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2002.
12. Dinh VT. *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả*. Nguyễn Văn Nguyên, dịch. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới; 2006.
13. Liem VD. *Vietnam at the Khmer Frontier: Boundary Politics, 1802-1847*. *Cross-Currents: East Asian History and Culture Review*. 2016;2(5):75-101.
14. Đinh Đầu N. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Hà Tiên (Kiên Giang, Minh Hải)*. TP.HCM: Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh; 1994.
15. Nicholas S. *The Princes of Ha Tien, 1682-1867*. Brussels: Thanhlong; 1983.
16. Hiến DT. *Chính sách quốc phòng của nhà Nguyễn trên vùng biên giới Tây Nam Bộ giai đoạn 1802-1867 [luận án Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam]*. TP.HCM; 2024.
17. Giang VM. *Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ*. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn*. 2006;1(22):1-8.
18. Walter FV. *Siam under Rama III, 1824-1851*. Locust Valley (NY): Published for the Association for Asian Studies; 1957.
19. *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục*. vol. 4. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007.
20. *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục*. vol. 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007.
21. *Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. Quốc triều chánh biên toát yếu*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nhóm Nghiên cứu Sử Địa; 1972.
22. Ái TTT. *Hoạt động bảo vệ biên giới, biển đảo Việt Nam thời vương triều Nguyễn (1802-1883) [luận văn Thạc sĩ Lịch sử]*. TP.HCM; 2015.
23. *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục chính biên*. vol. 3. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007.

The process of administrative units establishment and territorial organization in Hà Tiên under the reigns of emperors Gia Long and Minh Mạng (1802-1841)

Nguyen Thi Anh Nguyet*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This article examines the process of establishing and organizing territorial-administrative management in Hà Tiên under the reigns of Emperor Gia Long and Emperor Minh Mạng from a historical and geopolitical perspective. Situated at a strategic position between the mainland and the archipelago, bordering Champa (Cambodia) and Siam (Thailand), Hà Tiên served as a crucial border area in the Nguyễn dynasty's defense strategy and control over the southwestern frontier. Through analyzing administrative reforms, territorial division, and population management and organization, this study reveals how the Nguyễn court gradually integrated Hà Tiên - once a semi-autonomous territory under the Mạc family - into the centralized state model. Notably, the implementation of geographical surveys, maritime and island control, and the establishment of administrative units on the islands reflect a modern territorial mindset and the dynasty's capacity to govern border spaces amid the regional power competition between Vietnam, Siam, and Champa. This research contributes to clarifying Hà Tiên's role as a distinctive administrative-military unit that combined border defense, economic-commercial development, and territorial sovereignty assertion. Accordingly, the article offers an approach to better understanding the Nguyễn state's governance mindset and border management policies - a vital foundation for recognizing the historical control and sovereignty establishment of Vietnam's present-day border and maritime zones.

Key words: Hà Tiên, Gia Long and Minh Mạng, administrative management, territorial organization, southwestern border

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Anh Nguyet, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyetxhmv@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 18-3-2025
- Revised: 22-8-2025
- Accepted: 27-1-2026
- Published Online: x

DOI : x



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nguyet N T A. The process of administrative units establishment and territorial organization in Hà Tiên under the reigns of emperors Gia Long and Minh Mạng (1802-1841). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; x(x):x-x.